TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **33**/2023/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 19 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 32/2023/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trịnh Văn M, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tiểu khu V, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

- Chị Lê Thị H, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn M và chị Lê Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14 tháng 9 năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do: Vợ chồng bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Dẫn đến vợ chồng mất niềm tin, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Anh M và chị H sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc nên anh Trịnh Văn M và chị Lê Thị H thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trịnh Văn M và chị Lê Thị H công nhận vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Thanh T1, sinh ngày 19/3/2017. Khi ly hôn anh M và chị H thống nhất thỏa thuận chị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh M cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10/2023 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

[3] Về tài sản, công nợ: Anh Trịnh Văn M và chị Lê Thị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Trịnh Văn M và chị Lê Thị H thống nhất thỏa thuận anh M chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Văn M và chị Lê Thị H.

- Về con chung: Anh Trịnh Văn M và chị Lê Thị H công nhận vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Thanh T1, sinh ngày 19/3/2017. Khi ly hôn anh M và chị H thống nhất thỏa thuận chị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh M cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10/2023 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Anh Trịnh Văn M có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Anh Trịnh Văn M và chị Lê Thị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trịnh Văn M và chị Lê Thị H thống nhất thỏa thuận: Anh Trịnh Văn M chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh M đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007366 ngày 05/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Chấp nhận anh M đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND thị trấn C;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trịnh Thị Hà